


Phụ lục 9*(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)***PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

Tên sản phẩm: Poly Aluminium Chloride –PAC 31%	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Số CAS: 1327-41-9 Số UN: Chưa có thông tin Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: PAC	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: Poly Aluminium Chloride	
- Tên khác (không là tên khoa học): Poly Aluminium Chloride Solid	
- Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup	Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996
- Mục đích sử dụng: ghi ngăn gọn mục đích sử dụng . Dùng để xử lí nước thải công nghiệp.	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Poly Aluminium Chloride	1327-41-9	$[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]_m$	31%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): hóa chất không thuộc dạng nguy hiểm theo OSHA.

2. Cảnh báo nguy hiểm

Có thể gây kích ứng mắt, tiếp xúc với da có thể gây viêm da.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) :** Giữ mắt ở trạng thái mở và rửa với nước ít nhất 15 phút. Nếu có hiện tượng đỏ mắt, chuyển đến trung tâm y tế gần nhất để điều trị thêm
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) :** Cởi bỏ đồ áo bẩn. Rửa chỗ tiếp xúc với nhiều nước. Nếu da bị dị ứng đem đến trung tâm y tế để khám.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) :** đưa nạn nhân đến nơi không khí trong lành. Đưa đến Bác sĩ nếu triệu chứng vẫn còn.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) :** Dùng nước súc miệng, không nên gây nôn ói. Chuyển đến trung tâm y tế gần nhất để điều trị.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)** Điều trị các triệu chứng dựa trên sự đánh giá của Bác sĩ và phản ứng riêng của nạn nhân.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy :** Không cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** không
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:**
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Mặc đồ bảo hộ toàn thân.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) :**

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** Tìm chỗ dò rỉ bịt lại, dùng dụng cụ như xô, ca nhựa múc thu hồi rồi dùng nước xối rửa sạch mặt bằng nơi tràn chảy hóa chất.
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:** Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chở về nơi sản xuất xử lý, sau đó dùng nước vôi hoặc soda trung hòa, phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cá nhân, c, ch ly khối kim loại; c, c chất h= u c-, nitrate, chlorate và carbide.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:** Thiết bị chứa đảm bảo có độ chắc chắn, vật liệu là nhựa, thủy tinh, thép phủ composit, khu vực chứa phải có bờ ngăn, phương tiện thu hồi khi có tràn chảy.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:** Không được tiếp xúc trực tiếp
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: dùng kính
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo BHLĐ
 - Bảo vệ tay: đi găng tay
 - Bảo vệ chân: Đi giày hoặc ủng
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Mũ, kính, quần áo, găng tay cao su, ủng
- 4. Các biện pháp vệ sinh :** Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hoá chất.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý : Dạng bột

Điểm sôi (°C) : không phù hợp

Màu sắc : màu vàng

Điểm nóng chảy (°C) : chưa có thông tin

Mùi đặc trưng : không mùi	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định : không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$) : chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) : không phù hợp
Độ hòa tan trong nước : Dễ tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) : không phù hợp
Độ PH : 3.5 – 5.0	Tỷ lệ hóa hơi : chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m^3) : 0.65	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Khi nhiệt độ cao, sấy khô phân hủy thành khí HCl và Al_2O_3

- Các phản ứng: Tương tác với các chất kiềm như NH_3 và dung dịch của nó; NaOH; KOH; các hợp chất của kim loại như nhôm, niken, đồng.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép...	mg/m^3	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
Thành phần 2 (nếu có)				

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người : không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH

2. Các ảnh hưởng độc khác : Không

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1			

1. Độc tính với sinh vật : làm tổn thương các sinh vật trong hồ sinh thái khi với liều lớn.

2. Tác động trong môi trường.

- Mét li-ting lín chêt thđi ra cũ thđ gđy ra sđ axđt hđđ cũ đđng chđy, lđ mét chêt gđy đđng cũ thđ gđy ra sđ lđng đđng cũ thđ rđn trong hđ.

- Mđc đđ phân hđy sinh hđc: Khđng đđ vi khđn phđn hđy

- Sđn phđm cũ quá trđnh phân hđy sinh hđc: Khđng

- Mđc đđc tđnh cũ sđn phđm phân hđy sinh hđc: chđđ cũ thđng tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: chưa có thông tin

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: đđng cũ chêt kiđm đđ trung hđđ.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Các muối và nước không độc hại.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						Không phải là chất nguy hiểm. Có thể vận chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào. Tuy nhiên tránh vận chuyển trong điều kiện nhiệt độ cao hơn 50°C. Tránh tiếp xúc thực phẩm.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc